

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	1. Chăm sóc, nuôi dưỡng: <ul style="list-style-type: none">- Đảm bảo diện tích các phòng học: 2m²/trẻ. Các phòng học và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi, dụng cụ, nguyên liệu, học liệu theo hướng đồng bộ, hiện đại, đạt chuẩn Quốc gia.- Đảm bảo cơ sở vật chất hiện đại, môi trường hoạt động thoáng mát thân thiện, chương trình học theo đúng qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo với phương pháp giáo dục mầm non, có ứng dụng phương pháp dạy học tích cực, phương pháp giáo dục tiên tiến, hiện đại của nước ngoài.- 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần.- 100% trẻ được cân, đo và theo dõi biểu đồ 3 lần/năm.- ...% trẻ có khả năng vận động phù hợp theo độ tuổi, sức khỏe tốt. 2. Giáo dục: <ul style="list-style-type: none">- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động.- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.- Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.- Thực hiện được một số việc tự	1. Chăm sóc, nuôi dưỡng: <ul style="list-style-type: none">- Đảm bảo diện tích các phòng học: 2m²/trẻ. Các phòng học và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi, dụng cụ, nguyên liệu, học liệu theo hướng đồng bộ, hiện đại, đạt chuẩn Quốc gia.- Đảm bảo cơ sở vật chất hiện đại, môi trường hoạt động thoáng mát thân thiện, chương trình học theo đúng qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo với phương pháp giáo dục mầm non, có ứng dụng phương pháp dạy học tích cực, phương pháp giáo dục tiên tiến, hiện đại của nước ngoài.- 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần.- 100% trẻ được cân, đo và theo dõi biểu đồ 3 lần/năm.- Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ- Đảm bảo chế độ ăn của trẻ đủ lượng, đủ chất dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm. 100% trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng và theo dõi biểu đồ tăng trưởng BMI, được khám sức khỏe 1-2 lần/năm học . 2. Giáo dục:

		<p>phục vụ, giữ gìn sức khỏe.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn. - Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi. - Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc... 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp. - Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động. - Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe. - Thực hiện được một số nề nếp, thói quen tự phục vụ trong sinh hoạt. - Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và biết giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết một số nguy cơ không an toàn và cách phòng tránh chúng. - Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng. - Nhận biết một số nghề phổ biến, một số lễ hội và danh lam thắng cảnh. - Nghe hiểu lời nói, sử dụng lời nói, trong cuộc sống hàng ngày. - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
II	<p>Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 100% các lớp thực hiện theo Chương trình GDMN (Ban hành kèm Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) 	
III	<p>Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ được theo dõi về sức khỏe. - Đạt 100% trẻ có cân nặng, chiều cao bình thường. - 97% trẻ nhà trẻ đạt các mục tiêu đánh giá theo sự phát triển của trẻ. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + 97% trẻ đạt lĩnh vực phát triển thể chất. + 95,5% trẻ đạt lĩnh vực phát triển nhận thức. + 97% trẻ đạt lĩnh vực phát triển ngôn ngữ. + 94% trẻ đạt lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ được theo dõi về sức khỏe. - Đạt 98,5% trẻ có cân nặng, chiều cao bình thường. - 98% trẻ mẫu giáo đạt các mục tiêu đánh giá theo sự phát triển của trẻ. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + 100% trẻ MGB, 100% trẻ MGN , 100% trẻ MGL đạt lĩnh vực phát triển thể chất. + 98% trẻ MGB, 100% trẻ MGN , 100% trẻ MGL đạt lĩnh vực phát triển nhận thức. 98% trẻ MGB, 99% trẻ MGN , 99% trẻ MGL đạt lĩnh vực phát triển ngôn

		<p>xã hội và thẩm mỹ.</p>	<p>ngữ. + 96% trẻ MGB, 97% trẻ MGN , 98% trẻ MGL đạt lĩnh vực phát triển tình triễn nhận thức. cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. - Giúp trẻ phát triển tốt về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội, đạt yêu cầu: 98%. - Hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng - Giáo dục những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng ẩn nhằm giúp trẻ có nền tảng tốt để chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng bước vào tiểu học.</p>
<p>IV</p>	<p>Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non</p>	<p>- Cơ sở vật chất: + Trang bị cơ sở vật chất bán trú 100% bằng inox, sử dụng máy móc hiện đại để đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng trẻ đạt tốt. + Trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi các nhóm lớp, các đồ chơi phát triển vận động thô, vận động tinh... để đảm bảo tốt hoạt động vui chơi và học tập cho trẻ. + Qui hoạch sân chơi nhằm phát triển thể chất cho trẻ theo chương trình phát triển riêng của nhà trường: (Khu tập xà, trượt cỏ, đồ chơi liên hoàn...), vườn cây, sảnh các tầng, xây dựng các phòng, các góc hoạt động chuyên biệt với đầy đủ các đồ dùng đồ chơi chuyên biệt: Phòng thể chất, phòng nghệ thuật, phòng máy tính, phòng xếp hình, phòng mộc, góc không gian sáng tạo, góc thư viện, góc chơi cát nước tạo môi trường xanh, sạch, đẹp, thân thiện, kích thích trẻ hoạt động tích cực. + Thực hiện kết nối mạng Wifi toàn trường, tạo điều kiện cho việc thông tin, báo cáo, quản lý hoạt động giảng dạy kịp thời.</p> <p>- Chăm sóc vệ sinh: + Vệ sinh phòng (nhóm): Thông thoáng khí, vệ sinh nền nhà, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi.</p>	

- + Vệ sinh môi trường: Vệ sinh trong và xung quanh trường.
- + Không để xảy ra tai nạn ở trường được UBND quận Ba Đình công nhận là “Trường học an toàn, đảm bảo công tác phòng chống tai nạn thương tích” năm học 2022-2023 theo Quyết định số 1053QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2023.
- Phòng chống tốt dịch bệnh Sốt xuất huyết Dengue và các bệnh dịch khác.
- Chế độ sinh hoạt: thực hiện đúng chế độ sinh hoạt đối với từng lứa tuổi của trẻ theo thời gian biểu.
- Chế độ dinh dưỡng:
 - + Đảm bảo chế độ ăn phù hợp với từng lứa tuổi của trẻ.
 - + Đảm bảo đủ chất dinh dưỡng đạm, béo, đường, muối khoáng, tinh bột.
 - + Hàng ngày cho trẻ uống đủ nước, nhất là vào mùa hè.
 - + Đảm bảo ăn uống, vệ sinh sạch sẽ.
 - + Chế biến phù hợp và thay đổi thực phẩm để trẻ ăn ngon và hết suất.
- Giáo viên thực hiện nghiêm túc tổ chức các hoạt động học, hoạt động vui chơi, hoạt động ngoài trời được thực hiện theo lịch đã phân công.
- Tổ chức các ngày hội ngày lễ: Khai giảng, Trung thu, Hội chợ sách, Hội thi Aerobic cấp trường, Tổng kết năm học, Lễ chia tay cho học sinh khối mẫu giáo Lớn....
- Tổ chức các trò chơi dân gian, trò chơi vận động phù hợp với từng lứa tuổi.

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Trâm Anh

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	444	54	104	120	166
1	Số trẻ em nhóm ghép	0				
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0				
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	444	54	104	120	166
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0				
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	444	54	104	120	166
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	444	54	104	120	166
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	444	54	104	120	166
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em					
1	<i>Số trẻ cân nặng bình thường</i>	444	54	104	120	166
2	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân</i>	0	0	0	0	0
3	<i>Số trẻ có chiều cao bình thường</i>	444	54	104	120	166
4	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi</i>	0	0	0	2	0
5	<i>Số trẻ thừa cân béo phì</i>	0	0	0	2	0
VI	Số trẻ em Khuyết tật	0	0	0	0	0
VII	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục					
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ		54			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo			104	120	166

VIII	Kết quả thực hiện PCGDMN cho trẻ 05 tuổi	<ul style="list-style-type: none">- Huy động trẻ 05 tuổi đến trường: 166/175 đạt 95%.- Trẻ 05 tuổi học 2 buổi trên ngày: 166/166.- Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN: 166/166.
-------------	---	--

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Trâm Anh

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	15	1,5m ² /trẻ
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	15	1,5m ² /trẻ
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1.044 m ²	7,9 m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	290 m ²	0,7 m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	720 m ²	60m ² /phòng
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	Dùng chung (1)	Dùng chung (1)
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	168 m ²	12 m ² /phòng
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	140 m ²	11 m ² /lớp
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	190 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	60 m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	115 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	360 bộ	30 bộ/lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ		

	chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10	8/sân chơi
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	26	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1	- Bảng tương tác thông minh	01	
2	- Máy phô tô	01	
3	- Điều hòa	32	2 cái/lớp
4	- Bình nóng lạnh	13	1 cái/lớp
5	- Máy chiếu Projecter, màn hình	07	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	03	14		0.4	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	

XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Trâm Anh

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số CBQL, GV và nhân viên	50		2	27	7	11	3				16	20	0	
I	Giáo viên	33			26	7	0		3	16	14	13	20	0	
1	Nhà trẻ	6			5	1	0		0	6	0	1	5	0	
2	Mẫu giáo	27			18	6	0		3	22	1	12	15	0	
II	Cán bộ quản lý	3		2	1	0	0					3			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1						2	2			
III	Nhân viên	14			1	1	9	3							
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1					1								
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên khác	12			1		8	3							

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Trâm Anh